

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, cấp dưỡng và chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông K Chanh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh TV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:226/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1996 (*có mặt*)

Địa chỉ: khóm 4, thị trấn Đ, huyện Trà Cú, tỉnh TV.

2. Bị đơn: Anh Thái Hào T, sinh năm 1994 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp B, xã LV, huyện D, tỉnh TV;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1975 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp B, xã LV, huyện D, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/10/2018 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh Thái Hào T có tìm hiểu và quen biết nhau trước, chị và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, lễ cưới được tổ chức vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã LV, huyện D. Sau khi cưới chị L về sống chung với gia đình nhà anh T, vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị L xin mẹ chồng cho chị về

nhà mẹ ruột chị để chờ nhà sinh con vì nhà anh T đang xây nhà, được mẹ chồng đồng ý nên chị về nhà mẹ mình sinh con, sau khi sinh con xong thì bên chồng rước về, mẹ ruột chị L xin cho ở lại đến đầy tháng và chị cũng đồng ý. Từ khi xin ở lại đến đầy tháng thì anh T không quan tâm đến mẹ con chị L nữa. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị L xét thấy không còn tình cảm với anh T nữa và vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thái Hào T.

Về con chung: có một con chung tên Thái Trần Mỹ K, sinh ngày 18/5/2016, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Thái Hào T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Chị L gởi mẹ chồng tên Đặng Thị T1 08 (tám) chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 1,3 (một phẩy ba) chỉ vàng 18K. Chị L yêu cầu bà T1 trả để vợ chồng chia đôi. Nhưng tại biên bản ngày 07/01/2019, biên bản hòa giải ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải và đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/01/2019 của chị L cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L không yêu cầu bà T1 trả số vàng trên.

Đối với bị đơn anh Thái Hào T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị L nên ngày 12/02/2018 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 28/02/2018, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đến ngày 04/3/2019 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử lần hai vào ngày 20/3/2019 và tổng đạt hợp lệ các văn bản cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T1 Trình bày: Con ruột tôi là Thái Hào T đã đi làm ăn xa không có nhà, các giấy tờ Tòa án tổng đạt cho T tôi đều điện thoại cho con tôi biết. Còn về 03 chỉ vàng 18K con dâu tôi là L có gởi tôi, khi con dâu và con trai tôi đi làm Công ty ở Sài Gòn thiếu tiền đã lấy lại và bán trả nợ rồi, nay tôi không còn cất giữ vàng của vợ chồng L.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; Về thẩm quyền giải quyết đảm bảo theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách các đương sự đảm bảo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96, 97, 98 và Điều 109 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giao thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy

định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử và việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định tại Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đảm bảo thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về ý kiến giải quyết vụ án áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 51, 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L cho chị Ly hôn anh Thái Hào T, chị L được tiếp tục nuôi con Thái Trần Mỹ K, sinh ngày 18/5/2016, anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định; đình chỉ yêu cầu của chị L đòi bà Đặng Thị T1 trả 08 (tám) chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 1,3 (một phẩy ba) chỉ vàng 18K. Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc L và anh Thái Hào T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LV, huyện D vào ngày 08/12/2014 nên hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là tự nguyện nhưng do anh chị không có thời gian tìm hiểu nhau nhiều, khi về sống chung lại không thông cảm, chia sẻ với nhau về mọi mặt. Khi sinh con chị L muốn ở nhà mẹ ruột mình cho đến khi con tròn tháng, còn mẹ anh T và anh T muốn rước về trước, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh T bỏ đi làm ở Sài Gòn không liên lạc với chị L. Ngoài ra chị L đã một lần làm đơn xin ly hôn anh T nhưng do vợ chồng còn thương nhau và anh T có năn nỉ chị L trở về nên chị L đã rút lại đơn xin ly hôn. Nay chị L xét thấy không còn tình cảm với anh T, hôn nhân của anh chị không thể kéo dài. Từ đó chị L yêu cầu được ly hôn anh Thái Hào T. Đối với anh T Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L, xem như anh T đã chấp nhận yêu cầu của chị L nên chị L yêu cầu được ly hôn anh Thái Hào T là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: có một con chung tên Thái Trần Mỹ K, sinh ngày 18/5/2016, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay chị L là người trực tiếp nuôi con, anh T không đến thăm và cũng không phụ chi phí để chị L nuôi con, khi anh T được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản nhưng anh T cũng không có ý kiến gì về con chung, nên chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định là hoàn toàn có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu bà Đặng Thị T1 trả 08 (ba) chỉ vàng 24k, 01 dây chuyền 1,3 (một phẩy ba) chỉ vàng 18K và có đơn xin rút lại phần yêu

cầu này. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của chị L đòi bà T1 trả 08 (ba) chỉ vàng 24k, 01 dây chuyền 1,3 (một phẩy ba) chỉ vàng 18K.

[4] Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định; anh Thái Hào T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc L. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc L và anh Thái Hào T.

2. Về con chung: Giao con Thái Trần Mỹ K, sinh ngày 18/5/2016 cho chị Trần Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thái Hào T phải đóng góp nuôi con với chị Trần Thị Ngọc L mỗi tháng với số tiền là 695.000 (sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng cho đến khi cháu Thái Trần Mỹ K đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị L đòi bà Đặng Thị T1 Trả 08 (tám) chỉ vàng 24k và sợi dây chuyền 1,3 (một phẩy ba) chỉ vàng 18k.

4. Về nợ chung: không yêu cầu nên không xét đến.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Ngọc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại lai thu số 0015937 ngày 10/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Như vậy chị L đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Thái Hào T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi đương sự cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TV;
- VKSND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thùy Linh